TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **127**/2024/DS-ST
Ngày: 27- 08 - 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Võ Thị Loan.

***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Bùi Tuấn Khanh.
2. Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tuyết, thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, về việc: " *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nợ hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2024/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**:* Bà **Lê Thị LG**, sinh năm 1980 (có mặt).

Cư trú: ấp PT, xã TP, huyện BĐ, tỉnh BT.

Bị đơn:

1/ Bà **Lê Thị Th,** sinh năm 1970 (Có mặt).

2/ Chị **Lê Thị BT**, sinh năm 1992 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp PH, xã TP, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 8 năm 2023, biên bản lấy lời khai ngày*

10/7/2024 (bl 39), nguyên đơn trình bày nội dung khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Bà Lê Thị Th là chị ruột của bà, còn Lê Thị BT con bà Th là cháu ruột của bà.

- Vào tháng 6 năm 2021 bà có cho bà Lê Thị Th và Lê Thị BT vay số tiền là 20.000.000 đồng. Vay không có lập giấy.

- Vào khoảng tháng 5 năm 2022, bà có cho bà Lê Thị Th và Lê Thị BT vay số tiền là 80.000.000 đồng. Vay không có lập giấy.

Sau nhiều lần bà đòi nợ không trả thì đến ngày 15 tháng 10 năm 2022 bà Th, chị BT mới ký giấy nợ với bà.

Mục đích vay của bà Th phần 20 triệu là để cưới vợ cho con trai, phần 80 triệu nói để sang đất nhưng có hay không thì bà không biết.

- Còn phần tiền hụi thì bà có chơi hụi của chị Lê Thị BT làm chủ, chơi 03 phần, mỗi dây 2 triệu đồng. Cụ thể: một dây đóng được 11 tháng tính thành tiền là 11 triệu. Dây hụi 1 triệu, chơi 02 phần, đã đóng được 7 tháng số tiền là 9 triệu đồng. Tổng số tiền hụi là 10 triệu đồng và đã trả cho bà nhiều lần được 08 triệu đồng, nên còn nợ là 12 triệu đồng. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị LG yêu cầu:

- Chị Lê Thị BT phải trả ngay một lần cho bà số tiền hụi là 12 triệu đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/ tháng. Tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

- Chị Lê Thị BT và bà Lê Thị Th phải trả ngay một lần cho bà số tiền vay là 100 triệu đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/ tháng. Tính từ ngày 15 tháng 10 năm 2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Chứng cứ khởi kiện của bà là: Giấy mượn tiền ngày 15/10/2022

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2024, Biên bản lấy lời khai, cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Th khai với nội dung như sau:*

Vào khoảng năm 2022, tháng không nhớ nhưng có vay của bà LG số tiền 20 triệu đồng và số nợ này đến nay bà chưa trả cho chị LG.

Ngoài ra, bà còn vay của chị LG một phần hụi mãng khi bà LG chơi hụi của BT làm chủ với số tiền là 40.000.000 đồng.

Còn phần hụi của Lê Thị BT mượn là không có liên quan gì đến bà.

Bà đồng ý nợ số tiền vay, tiền mượn hụi của chị LG tổng số là 60 triệu đồng, thừa nhận có ký tên vào giấy nợ ngày 15/10/2022 như chị LG nêu. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin trả dần và không đồng ý trả lãi theo như yêu cầu của chị LG.

** Tại bản tự khai ngày 10/7/2024, Biên bản lấy lời khai, cũng như tại phiên*

tòa chị Lê Thị BT khai với nội dung như sau:

Về phần tiền hụi thì chị Lê Thị BT thừa nhận có làm chủ hụi và bà LG có chơi 02 phần hụi, một phần hụi lấy vốn, chỉ nợ bà LG số tiền 12 triệu đồng, đã trả nhiều lần được 8 triệu, nên phần tiền hụi này chỉ còn nợ lại là 04 triệu, không phải 12 triệu như bà LG khai.

Phần hụi còn lại là hụi mãng 40 triệu, chị bị bể bị tay em giựt. Phần hụi này còn nợ bà LG là 40 triệu đồng. Phần nào của mẹ bà Lê Thị Th thì mẹ chị trả, còn cái nào của chị thì trả không chịu liên đới.

Đối với Giấy mượn tiền ngày 15/10/2022 thừa nhận có ký tên vào nhưng không có đọc nội dung, tưởng là ghi thiếu một tay hụi, không biết trong đó ghi cho mượn tiền.

Đồng ý còn nợ bà LG số tiền là 44 triệu đồng, trả dần mỗi tháng 01 triệu. Về yêu cầu trả lãi không đồng ý.

** Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của bà Lê Thị Th và chị BT thì bà LG nêu:*

- Bà yêu cầu bà Lê Thị Th phải trả cho bà tổng số nợ là 60 triệu đồng, tính lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 15/10/2022 khi ký tên xác nhận nợ với bà.

- Bà yêu cầu chị Lê Thị BT phải trả cho bà tổng số nợ là 44 triệu đồng, tính lãi 1,66%/tháng tính từ ngày 15/10/2022 khi ký tên xác nhận nợ với bà.

* Bị đơn bà Lê Thị Th, chị Lê Thị BT đồng ý trả số tiền còn nợ nhưng không đồng ý trả lãi, yêu cầu trả dần.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý xác định đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi" là đúng quan hệ tranh chấp. Quan hệ pháp luật này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BĐ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, tổ chức phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo đúng thời hạn. Tuy nhiên, có vi phạm trong việc gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát trễ hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 196 BLTTDS.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt những lần Tòa án triệu tập để làm việc là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án dân sự, nhận thấy:

Bà LG, bà Th và chị Thu đều thống nhất bà Th còn thiếu bà LG 60.000.000 đồng; chị Thu thiếu bà LG 44.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Th và chị Thu xin trả dần nhưng bà LG không đồng ý. Bộ luật Dân sự không quy định về việc trả dần nên các đương sự có thể thỏa thuận trả dần ở giai đoạn thi hành án. Do đó yêu cầu của chị LG về số tiền vay và hụi trên là có cơ sở.

- Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất, bà LG yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng là không phù hợp theo quy định tại Điều 468 BLDS nên áp dụng mức lãi suất 0,83%/tháng. Cụ thể:

+ Đối với số tiền 4.000.000 đồng, trong giấy mượn tiền và các bên đương sự đều xác định đây là số tiền nợ hụi nên không tính lãi đối với số tiền này.

+ Đối với số tiền 100.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng mượn tháng 06/2021, 80.000.000 đồng mượn tháng 10/2022), đây là số tiền bà LG cho bà Th và chị Thu vay nên tính lãi đối với số tiền này.

- Về thời điểm tính lãi: bà LG yêu cầu tính lãi từ ngày 15/11/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên giấy mượn tiền không thỏa thuận thời gian trả số vốn gốc và thời hạn trả lãi nên tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án là 31/5/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Từ những phân tích trên: đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 468 BLDS 2015, Điều 92 BLTTDS:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị LG. Buộc bà Lê Thị BT có trách nhiệm trả bà LG số tiền nợ hụi 4.000.000 đồng, không tính lãi suất; Buộc bà Lê Thị Th trả bà LG số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng đến hôm nay. Buộc chị Lê Thị Thu trả bà LG số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng đến hôm nay.

Không chấp nhận yêu cầu của bà LG yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hụi 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra

tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà Lê Thị LG khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Th và chị Lê Thị BT đòi số tiền nợ vay, nợ hụi và tiền lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng góp hụi"* được quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các bị đơn có đăng ký thường trú tại xã TP, huyện BĐ, tỉnh BT. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BĐ.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất xác nhận số nợ còn thiếu như sau:

- Bà Lê Thị Th thừa nhận còn nợ tiền vay của bà Lê Thị LG số tiền là 20.000.000 đồng và tiền mượn một đầu hụi mãng là 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị BT thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà Lê Thị LG số tiền hụi là 4.000.000 đồng và tiền mượn đầu hụi mãng số tiền là 40.000.000 đồng. Tổng cộng là 44.000.000 đồng.

- Bà Lê Thị Th và chị Lê Thị BT thừa nhận có ký tên xác nhận nợ theo "Giấy mượn tiền" ngày 15/10/2022.

Từ sự thừa nhận nợ của bà Lê Thị Th, chị Lê Thị BT đối với bà Lê Thị LG. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết mà nguyên đơn không cần phải chứng minh.

Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị LG yêu cầu bà Lê Thị Th phải trả cho bà tổng số tiền vốn vay còn thiếu là 60.000.000 đồng và chị Lê Thị BT số tiền là 44.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị LG đối với tiền nợ bà bà Lê Thị BT còn thiếu, tính từ ngày 15/10/2022, với mức lãi suất 1,66%/tháng. ***Xét thấy:***

Căn cứ Giấy mượn tiền đã xác định được số nợ tính từ ngày 15/10/2022, nhưng đến nay chị BT không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ trả theo như thỏa thuận, tuy nhiên trong giấy mượn tiền ngày 15/10/2022 không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả chỉ ghi " Hứa tết xong trả cho chị LG" nên bà Lê Thị

LG yêu cầu chị BT phải trả lãi với mức lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 15/10/2022 là không có căn cứ.

Hơn nữa, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2024 chị Lê Thị BT không đồng ý trả lãi nên giữa hai bên xãy ra tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà LG với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về thời gian tính tính: Tại phiên tòa bà LG xác định qua tết năm 2022 được ghi trong giấy mượn tiền ngày 15/02/2022 al, được xác định là tháng 01 năm 2023, nên chỉ chấp nhận tính lãi từ tháng 01 năm 2023 cho đến ngày xét xử tháng 8 năm 2024 là 18 tháng, thành tiền là:

44.000.000 đồng X 10%/ năm X 18 tháng = 6.573.600 đồng.

Buộc chị Lê Thị BT phải trả số tiền lãi cho bà Lê Thị LG tổng số tiền lãi là: 6.573.000 đồng.

Như vậy, chị Lê Thị BT phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị LG tổng số tiền vốn, lãi : 50.573.600 đồng.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị LG đối với tiền nợ bà bà Lê Thị Th còn thiếu, tính từ ngày 15/10/2022, với mức lãi suất 1,66%/tháng. ***Xét thấy:***

Căn cứ Giấy mượn tiền đã xác định được số nợ tính từ ngày 15/10/2022, nhưng đến nay bà Lê Thị Th không thực hiện nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ trả theo như thỏa thuận, tuy nhiên trong giấy mượn tiền ngày 15/10/2022 không có thỏa thuận về lãi suất và thời gian trả chỉ ghi " Hứa tết xong trả cho chị LG" nên bà Lê Thị LG yêu cầu bà Th phải trả lãi với mức lãi suất 1,66%/ tháng tính từ ngày 15/10/2022 là không có căn cứ.

Hơn nữa, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2024 bà Lê Thị Th không đồng ý trả lãi, nên giữa hai bên xãy ra tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà LG với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về thời gian tính tính: Tại phiên tòa bà LG xác định qua tết năm 2022 được ghi trong giấy mượn tiền ngày 15/02/2022, nên được xác định là tháng 01 năm 2023, nên chỉ chấp nhận tính lãi từ tháng 01 năm 2023 cho đến ngày xét xử tháng 8 năm 2024 là 18 tháng, thành tiền là:

60.000.000 đồng x 10%/ năm x 18 tháng = 8.964.000 đồng.

Buộc chị Lê Thị Th phải trả số tiền lãi cho bà Lê Thị LG tổng số tiền lãi là: 8.964.000 đồng.

Như vậy, chị Lê Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị LG tổng số tiền vốn, lãi : 68.964.000 đồng.

[6] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ được chấp nhận một phần. Tuy nhiên, về phần không tính lãi của tiền nợ hụi là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí theo quy định là 3.448.200 đồng.

- Chị Lê Thị BT phải chịu theo quy định là 2.528.600 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị LG đối với bà Lê Thị Th và chị Lê Thị BT. Về việc: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi".

2. Buộc bà Lê Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị LG tổng số tiền nợ vay, nợ hụi là 68.964.000 đồng (sáu tám triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng). *Trong đó:* Tiền vốn: 60.000.000 đồng (sáu chục triệu đồng), tiền lãi: 8.964.000 đồng (tám triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

3. Buộc bà Lê Thị BT phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị LG tổng số tiền nợ hụi là 50.573.600 đồng (năm chục triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm đồng). *Trong đó:* Tiền vốn: 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng), tiền lãi: 6.573.600 đồng (sáu triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.448.200 đồng (ba triệu bốn trăm bốn tám ngàn hai trăm đồng).

- Bà Lê Thị BT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.528.600 đồng (hai triệu năm trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà Lê Thị LG số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.496.325 đồng (ba triệu bốn trăm chín sáu ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005787, ngày 30/5/2024 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện BĐ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BT (Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Loan